**TUẦN 16**

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000**

**BÀI 38:** **BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CÙA BIỂU THỨC SỐ (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).

- Tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).

- Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biếu thức sổ, chưa dùng biểu thức chữ).

- Phát triển năng lực giao tiếp Toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.Bài 1. Tính giá trị biểu thức.a. 83 + 13 – 76 b. 547 – 264 – 200c. 6 x 3:2 - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- HS làm bài tập a. 83 + 13 – 76 = 96 - 76  = 20b. 547 – 264 – 200 = 283 - 200 = 83c. 6 x 3 : 2 = 18 : 2  = 9- HS nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **2.** **Khám phá**: **Tính giá trị biểu thức có dấu ngoặc****-** Mục tiêu: + HS nắm được quy tắc tính và trình bày cách tính (theo hai bước) để tìm giá trị của biểu thức có dấu ngoặc; + Vận dụng làm được bài tập trong phần hoạt động và bài tập 1,2 trong phán luyện tập của bài; làm quen với tính chất kết hợp của phép cộng (phần luyện tập).**-** Cách tiến hành: |
|  a. Từ bài toán thực tế, GV giúp HS dẫn ra cách tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc 2 x (3 + 4) như bóng nói của Rô-bổt.b. GV giúp HS biết cách tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc và cách trình bày hai bước, chẳng hạn: 2 x (3 + 4) = 2 x 7 = 14.- GV chốt lại quy tắc tính giá trị cùa biểu thức có dấu ngoặc (như SGK), sau đó có thể cho HS vận dụng tính giá trị của biểu thức nào đó, chẳng hạn:(14 + 6) x 2 hoặc 40 : (8 - 3),... (trình bày theo hai bước).**3. Hoạt động.****Bài 1**: Yêu cầu HS tính được và trình bàycách tính giá trị của biểu thức: a. 45: ( 5+4) b. 8 x (11 - 6)  c. 42 - (42 - 5)- GV nhận xét, tuyên dương.***Bài 2:*** - GV hướng dẫn HS. - Yêu cầu HS tính được giá trị của biểu thức ghi ở mỗi ca-nô rồi nêu (nối) với sổ ghi ở bến đỗ là giá trị của biểu thức đó.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV chốt:(15 + 5): 5 = 4, nói ca-nô ghi biểu thức này với bến số 4;32 - (25 + 4) = 3, nối ca-nô ghi biểu thức này với bến sổ 3;16 + (40 - 16) = 40, nối ca-nô ghi biểu thức này với bến sổ 40; 40: (11 - 3) = 5, nổi ca-nô ghi biểu thức này với bến số 5. - Tuỳ đối tượng HS và lớp, GV có thể hỏi thêm: “Biểu thức nào có giá trị lớn nhát, bé nhất?...”.- HS có thể nhẩm tính ra kết quả hoặc viết vào bàng con hoặc giấy nháp tính theo hai bước tính đề tìm giá trị của biểu thức. |  - HS đọc tình huống (a) trong SGK .- HS lắng nghe GV hướng dẫn ra cách tính giá trị biểu thức 2 x ( 3+4) - HS tính giá trị của biểu thức.2 x ( 3+4) =2 x 7 = 14- HS tính được và trình bày cách tính giá trị của biểu thức, chẳng hạn:a. 45: ( 5 + 4) = 45:9  = 5b. 8 x (11 - 6) = 8 x 5 = 40 c. 42 - (42 - 5)= 42 – 37 = 5- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Lắng nghe Gv hướng dẫn.- HS làm bài tập vào vở. kiểm tra chéo. (15 + 5) : 5 = 20 : 5                  = 432 – (25 + 4) = 32 – 29                     = 316 + (40 – 16) = 16 + 24                        = 4040 : (11 – 3) = 40 : 8                    = 5Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0308/tr-loi-bai-2-trang-108.png- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

|  |
| --- |
| **4. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).- Yêu cầu HS nhắc lại tính được giá trị của biểu thức số. - Nhận xét tiết học, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS nhắc lại.+ HS lắng nghe và trả lời. |

|  |
| --- |
| **5. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

--------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000**

**BÀI 38: BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CÙA BIỂU THỨC SỐ (T4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).

- Tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).

- Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biếu thức sổ, chưa dùng biểu thức chữ).

- Qua thực hành, luyện tập, HS phát triển được năng lực giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.Tính giá trị biểu thức.a. 50 :( 6+4 ) b. 5 x (5 - 2) - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơia. 50:( 6+4)= 50:10  = 5b. 5 x (5 - 2) = 5 x 2 = 10 - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** **-** Mục tiêu: + Nhận biết được biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).+ Tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).+ Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biếu thức sổ, chưa dùng biểu thức chữ).+ Qua thực hành, luyện tập, HS phát triển được năng lực giải quyết vấn đề. **-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1:** Yêu cầu HS tính được giá trị của mỗi biểu thức A, B, C, D rồi xác định được biểu thức nào có giá trị lớn nhất hoặc bé nhất.- GV HD HS thực hiện tính giá trị biểu thức: Nếu trong biểu thức có dấu ngoặc thì ta thực hiện các phép tính ở trong ngoặc trước.- Nhận xét tuyên dương- GV chốt: A. 5 x (6 - 2) = 5 x 4  = 20B. 5 x 6 - 2=30 - 2 = 28C. (16 +24) : 4 = 40: 4  = 10.D. 16 + 24 : 4= 16 + 6  = 22.+ Biểu thức B có giá trị lớn nhất (28);+ Biểu thức c có giá trị bé nhất (10).- Khi tính giá trị của biếu thức ở bài này, HS có thế tính nhấm để tìm ra kết quả ngay (không phải viết thành hai bước). - Trường hợp khó khăn, HS có thể viết tính vào bảng con hoặc giấy nháp (theo hai bước).Bài 2: Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.- GV hướng dẫn HS giải bài toán có lời văn (phân tích đế bài,tìm cách giải bài toán) - Yêu cầu HS tóm tắt bài toán - Yêu cầu Hs làm bài tập vào vở và trình bày.- Gv nhận xét, tuyên dương. GV chốt: *Bài giải*Mai còn lại sổ hộp bút là: 4-2 = 2 (hộp) Mai còn lại sổ bút màu là:10 x 2 = 20 (chiếc bút)*Đáp số:* 20 chiếc bút màu.- GV cũng có thể cho HS biết tính số bút còn lại bằng cách tính giá trị của biểu thức 10 x (4-2) = 20.***Bài 3:*** **Câu a:** Đây là dạng bài khám phá, giúp HS làm quen bước đầu tính chất kết hợp của phép cộng. - GV có thể hướng dẫn, chẳng hạn: *Bài toán:* Có ba thùng lần lượt đựng 64 l, 55l và 45 l nước mắm. Hỏi cả ba thùng đựng bao nhiêu lít nước mắm?Dẫn ra phép tính: 64 + 55 + 45 = ?Có hai cách tính giá trị của biểu thức 64+55+ 45 như Nam và Mai trình bày.Mai: 64+ (55+ 45) = 64+ 100= 164(Mai nhóm hai số hạng cuối cho vào ngoặc rổi tính 55 + 45 = 100).Nam: (64 + 55) + 45 = 119 + 45= 164(Nam nhóm hai số hạng đẩu cho vào ngoặc rồi tính 64 + 55 = 119).+ GV cho HS nhận xét (như Rô-bổt).- GV chốt lại: (64 + 55) + 45 = 64 + (55 + 45). “Muỗn tính tồng của ba số hạng, ta có thể tính tồng hai số hạng đầu trước hoặc hai số hạng sau trước, rối cộng tiếp số hạng còn lại”.**Câu b:** Cho HS vận dụng tính chất ở câu a để tính giá trị của biểu thức (tuỳ cách chọn của mỗi HS), nhưng nếu theo cách thuận tiện hơn.- GV nhận xét, tuyên dương.  |  - HS thực hiện tính giá trị biểu thức.- So sánh kết quả rồi kết luận.A. 5 x (6 – 2) = 5 x 3                  = 15B. 5 x 6 – 2 = 30 – 2               = 28C. (16 + 24) : 4 = 40 : 4                     = 10D. 16 + 24 : 4 = 16 + 6                   = 22Ta có 10 < 15 < 22 < 28Vậy biểu thức có giá trị lớn nhất là 5 x 6 – 2Biểu thức có giá trị bé nhất là (16 + 24) : 4- Nhận xét, bổ sung- HS đọc yêu cầu bài.- HS lắng nghe GV hướng dẫn và phân tích đề bài, tìm cách giải bài toán .**- HS tóm tắt bài toán** **Tóm tắt**Có: 4 hộp bút màuMỗi hộp: 10 bút màuCho: 2 hộpCòn lại: .... bút màu?- Hs làm bài tập vào vở và trình bày bài làm. **Bài giải**Sau khi cho, Mai còn lại số hộp bút màu là:4 – 2 = 2 (hộp)Mai còn lại số chiếc bút màu là:10 x 2 = 20 (chiếc bút)Đáp số: 20 chiếc bút màu- Nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe GV hướng dẫn bài làm.- HS nhận xét bài làm của Mai và Nam. - HS lắng GV chốt. - HS vận dụng tính chất ở câu (a) để tính giá trị của biểu thức. - HS làm bài tập, trình bày. 123 + 80 + 20 = 123 + (80 + 20)                      = 123 + 100                      = 223207 + 64 + 36 = 207 + (64 + 36)                       = 207 + 100                       = 307- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).- Yêu cầu HS nhắc lại tính được giá trị của biểu thức số. - Nhận xét tiết học, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS nhắc lại.+ HS lắng nghe và trả lời. |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

--------------------------------------------------------------

TOÁN

**Bài 39: SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ**

 **(T1) – Trang 109**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 - Nhận biết được bài toán so sánh số lớn gấp mấy lần số bé.

 - Biết được cách tìm số lớn gấp mấy lần số bé.

 - Vận dụng vào giải các bài tập và giải bài toán có lời văn liên quan đến số lớn gấp mấy lẩn số bé.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực tư duy và lập luận: Khám phá kiến thức mới, vận dụng giải quyết các bìa toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Ai nhanh ai đúng: Gv cho 3 số 5, 4, 4, 64, 185; 160Chọn các số đã cho viết vào chỗ chấm để có kết quả đúng: a.23 x 2 = ...          b. 16 x ... = ... c. 37 x ... = ...         d. 40 x ... = ...- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi và KQ:. a. 23 x 2 = 46    b. 16 x 4 = 64c. 37 x 5 = 185   d. 40 x 4 = 160- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá** **- Hoạt động****-** Mục tiêu:  + Nhận biết được bài toán so sánh số lớn gấp mấy lần số bé. + Biết được cách tìm số lớn gấp mấy lần số bé. + Vận dụng vào giải các bài tập và giải bài toán có lời văn liên quan đến số lớn gấp mấy lẩn số bé.**-** Cách tiến hành: |
| **a)** GV nêu bài toán: “Hàng trên có 6 ô tô, hàng dưới có 2 ô tô. Hỏi số ô tô ở hàng trên gấp mấy lẫn số ô tô ở hàng dưới?”.* Nhận xét: Đây là bài toán có dạng: So sánh số lớn (6) gấp mấy lần số bé (2). Cách tìm số lớn gấp mấy lẩn số bé như thế nào?
* HS được quan sát hình vẽ (qua sơ đổ đoạn thẳng) để biết được:

+ Số ô tô ở hàng dưới gấp lên 3 lần thì được số ô tô ở hàng trên: 2 X 3 = 6 (ô tô) (kiến thức đã học).+ Từ đó suy ra số ô tô ở hàng trên gấp số ô tô ở hàng dưới số lần là: 6 : 2 = 3 (lần) (kiến thức mới).* **GV chổt lại quy tắc: Muốn tìm số lớn gấp mấy lẩn số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé.**

b) Bài toán vận dụng (yêu cầu HS nhận dạng được bài toán và trình bày được cách giải bài toán).- GV cho HS đọc trong SGK.- GV hỏi HS bài toán cho biết gì, hỏi gì? Cách giải thế nào? (HS tự thực hiện).- GV cho HS quan sát sơ đồ tóm tắt- Cho HS trình bày bài giải**3. Hoạt động:****Bài 1**: **( Làm việc cả lớp) Số**: Yêu cầu HS tìm được số lớn gấp mấy lẩn số bé rồi nêu (viết) số thích hợp ở ô có dấu “?” trong bảng.- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: (Làm việc cá nhân) Số** Yêu cầu HS quan sát số đo độ dài của mỗi đồ vật (SGK), từ đó tìm ra cách giải, nhẩm tính rồi nêu (viết) số lẩn thích hợp ở ô có dấu “?” ở mỗi câu a, b.+ GV cho HS đặt câu giải ở mỗi câu a, b rồi cho HS trình bày.- GV nhận xét, tuyên dương. | -Nghe Gv đọc đề toán- HS nhận dạng bài toán- HS quan sát sơ đồ đoạn thẳng- HS nêu các bước tính-HS quan sát từng bước và nhắc lại- 2 HS đọc bài toán- Trả lời GV hỏi và thực hiện-HS quan sát sơ đồ và nêu bài giảiĐoạn thẳng AB dài gấp đoạn thẳng CD sổ lần là:8 : 2 = 4 (lần)Đáp số: 4 lần.-HS quan sát, thực hiện trình bày kết quả­­- HS quan sát, nêu cách giảia. Bút chì dài gấp bút sáp số lần là10 : 5 = 2 ( lần)b. Bút chì dài gấp cái ghim số lần là:10 : 2 = 5 ( lần) |
| **4. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi “ Trả lời nhanh”* + Số lớn là 8, số bé là 2. Hỏi số lớn gấp mấy lần sổ bé?

+ Bút chì dài 12 cm, bút sáp dài 6 cm, cái ghim dài 2 cm. Từ đó có thế so sánh bút chì dài gấp mấy lần bút sáp, bút sáp dài gấp mấy lần cái ghim,...- Nhận xét, tuyên dương | HS đó đọc kết quả. 8 : 2 = 4 (lẩn).- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
| **5. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

-----------------------------------------------------------------------------

**TOÁN:**

**Bài 39: SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ**

 **(T2) – Trang 110**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 - Luyện kĩ năng tìm số lớn gấp mấy lần số bé.

 - Vận dụng so sánh số lớn gấp mấy lần số bé vào các bài luyện tập vào giải toán có lời văn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh - Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé ta làm thế nào?.+ Câu 2: Nêu 1 ví dụ cụ thể- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:+ Nêu và thực hiệnví dụ- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu:  + Luyện kĩ năng tìm số lớn gấp mấy lần số bé. + Vận dụng so sánh số lớn gấp mấy lần số bé vào các bài luyện tập vào giải toán có lời văn. **+** Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1. (Làm việc cả lớp) Số?****-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết ý 1 theo mẫu. Yêu cẩu HS biết cách tìm số lớn gấp mấy lần số bé, biết cách tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị; từ đó nêu (viết) được số thích hợp ở ô có dấu “?” (theo mẫu).- ý 2, 3, 4, 5 học sinh trả lời miệng**-** GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: (Làm việc cả lớp) Nhận biết** Yêu cầu HS nhận biết được đâu là hàng, cột của bảng các quả bóng, quan sát tranh rồi trả lời câu hòi ở mỗi câu a, b.* Cấu a: HS có thể đếm số bóng ở mỗi hàng, mồi cột rồi nêu (viết) số thích hợp ở ô có dấu ?

 Câu b: Yêu cầu HS phân tích đề, tìm cách giải và trình bày được bài giải. - Lần lượt HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán**- GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề toán, suy nghĩ cách làm- Gọi HS làm vào vở sau đó nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu cách tìm tích - HS lần lượt trả lời kết quả- HS khắc sâu kiến thức tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị và số lớn gấp số bé bao nhiêu lần.-HS quan sát nhận biết hành, cột- HS nêu được: mỗi hàng có 8 quả bóng, mỗi cột có 4 quả bóng.Bài giảiSố bóng trong một hàng gấp số bóng trong một cột số lần là:8 : 4 = 2 (lần) Đáp số: 2 lần.- HS làm vào vở.Bài giảiThuyền lớn chở nhiều hơn thuyền nhỏ số khách là: 24 - 6 = 18 (khách) Đáp số: 18 khách.b)Bài giảiSố khách ở thuyền lớn gấp số khách ở thuyến nhỏ số lấn là:24 : 6 = 4 (lần) Đáp số: 4 lần.- HS nhận xét lẫn nhau. |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi. Quan sát hình trả lời câu hỏi mở rộng bài toán: Tổng số bóng gấp mấy lần số bóng ở một cột, ở một hàng?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời: Tổng số bóng 32 quả.Tổng số bóng gấp số bóng ở một cột là: 32 : 8 = 4 (lần)Tổng số bóng gấp số bóng ở một hàng là: 32 : 4 = 8 (lần) |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

---------------------------------------------------------

**TOÁN:**

**Bài 40: LUYỆN TẬP CHUNG ( Tiết 1 – Trang 111)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kiến thức, kĩ năng về nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, bài toán về gấp lên một số lần, giảm đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, giải bài toán có lời văn (hai bước tính).

- Biết tính chất kết hợp của phép nhân (qua biếu thức số, chưa dùng chữ).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh - Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Nêu 1 ví dụ về bài toán dạng so sánh số lớn gấp máy lần số bé.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi+ HS xung phong neu bài toán và giải miệng- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: * + Củng cố kiến thức, kĩ năng về nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số, bài toán về gấp lên một số lẩn, giảm đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, giải bài toán có lời văn (hai bước tính).

 **+** Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1. (Làm việc cả lớp) Đặt tính rồi tính****-** GV Yêu cầu HS đặt tính rồi tính các phép nhân, chia.**-** GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: (Làm việc cả lớp) Số**-Yêu cầu HS vận dụng được cách giải bài toán gấp lên một số lần, giảm đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé để nêu (viết) được các số trong ô có dấu “?” ở các bảng của câu a và câu b.- Lần lượt HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán**- GV cho HS đọc đề bài, phân tích đề toán, suy nghĩ cách làm. Yêu cầu HS giải được bài toán có lời văn (hai bước tính) - Gọi HS làm vào vở sau đó nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS làm bảng con lần lượt các phép tính:122 x 4 327 x 3 715 : 5 645 : 3- HS lần lượt trả lời kết quả- HS khắc sâu kiến thức nhìn vào bảng đặt được đề toán-HS phân tích bài toán và giải vào vởBài giảiCon bò cân nặng là:120 X 3 = 360 (kg)Cả con bò và con bê cân nặng là:360+ 120 = 480 (kg) Đáp số: 480 kg.- HS nhận xét lẫn nhau. |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| * **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi.

Thi đua đặt và giải bài toán có hai phép tính liên quan đến dạng toán đã học.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS thi đua nêu bài toán và trình bày. |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

---------------------------------------------------------------------------